TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 815/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19-11-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Thủy

2. Bà Đỗ Thị A

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hà Thiên Tâm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 643/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 311/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 193/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lưu Thị Thúy H, sinh năm: 1976 (Có mặt).

Hộ khẩu thường trú: 338/9/3 đường P, phường Q, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Liêm T, sinh năm: 1972 (Vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: 338/9/3 đường P, phường Q, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn bà Lưu Thị Thúy H trình bày: Bà và ông Nguyễn Liêm T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 145, quyển số 01, ngày 01/11/1996.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2004 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do nhiều bất đồng trong cuộc sống vợ chồng. Năm 2007, bà đã một lần nộp đơn ly hôn nhưng vì nghĩ đến các con nên bà đã rút đơn. Tuy nhiên, từ đó đến nay giữa bà và ông T mâu thuẫn xảy ra ngày càng nhiều, ông T chỉ biết sống riêng cho bản thân, không chăm lo đời sống vật chất cũng như tinh thần cho vợ con, thậm chí còn đánh đập xúc phạm bà trước mặt các con và đuổi bà ra khỏi nhà và hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Bà đã cố gắng rất nhiều để các con không mặc cảm nhưng mọi sự cố gắng của bà đều vô ích. Bà nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng cũng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà H khai giữa bà và ông T chung sống có hai con chung tên Nguyễn Thùy A, sinh ngày 07/10/1997 và Nguyễn Diệu B, sinh ngày 27/9/2004. Thùy A đã thành niên, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con Diệu B, bà sẽ tự thỏa thuận với ông T về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có.

- Bị đơn - ông Nguyễn Liêm T đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng cũng như quyết định xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa bà H và ông T là "Tranh chấp về ly hôn". Bị đơn ông Nguyễn Liêm T có địa chỉ cư trú tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Liêm T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, tuy nhiên ông T vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 xét xử vắng mặt ông T.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

- Xét yêu cầu xin ly hôn: Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình. Tuy nhiên, giữa bà H và ông T mỗi người sống một nơi cho thấy mục đích hôn nhân của bà H và ông T không đạt được. Bà H cũng đã từng nộp đơn xin ly hôn nhưng tình cảm vợ chồng cũng không cải thiện, đến nay bà lại nộp đơn xin ly hôn và khẳng định đã thật sự không còn tình cảm vợ chồng. Hơn nữa, ông T đã lên Tòa nhận thông báo thụ lý đồng thời Tòa án cũng đã tống đạt các văn bản tố tụng khác nhưng ông T vẫn không có bất kỳ ý

kiến nào gửi cho Tòa án về việc bà H xin ly hôn. Như vậy, ông T cũng không còn quan tâm, thiết tha đến cuộc sống hôn nhân này nữa nên tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông T không còn khả năng đoàn tụ nên có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

- Về con chung: Bà H khai con chung Nguyễn Thùy A đã thành niên, bà yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Diệu B. Trong quá trình tiến hành tố tụng, ông T không có mặt và không có ý kiến về việc yêu cầu xin nuôi con của bà H, trẻ Diệu B có nguyện vọng được ở với mẹ nên Hội đồng xét xử xét thấy nên giao con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí về Hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu của bà Lưu Thị Thúy H

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Thị Thúy H được ly hôn với ông Nguyễn Liêm T

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Diệu B, sinh ngày 27/9/2004 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, các đương sự tự thoả thuận việc cấp dưỡng nuôi con không không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Liêm T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

Các đương sự Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, bà H chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0016336 ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày: Đối với bà H kể từ ngày tuyên án, đối với ông T kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q10;
- UBND phường Bến Nghé, Quận 1 (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lan